

Bản án số: 504/2024/HC-PT

Ngày 10-6-2024

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Túu

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 962/2023/TLPT-HC ngày 30/11/2023 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1226/2023/HC-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 774/2024/QĐ-PT ngày 28/3/2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:

1. Ông Mai Lâm P, sinh năm 1983 (có mặt).

2. Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: SAV3 - 15.01 Chung Cư T, 280 đường M, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2022).

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở: Số E đường K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật, ông Nguyễn Minh N; chức vụ: Chủ tịch.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B: Bà Phạm Thị Ngọc D; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (vắng mặt).

Địa chỉ: Số E đường K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/4/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1. Ông Lê Văn Hồng P1, Trưởng Ban bồi thường Giải phóng mặt bằng quận B (vắng mặt).

2. Ông Trần Vinh H1, Nhân viên Ban bồi thường Giải phóng mặt bằng quận B (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số C đường K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Người khởi kiện, bà Nguyễn Thị Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện, bà Nguyễn Thị Ngọc T và người đại diện hợp pháp trình bày:

Năm 2003, ông Huỳnh Văn L chuyển nhượng cho bà T 02 lô đất nông nghiệp (đất hoa màu), thuộc thửa 28, diện tích 70,4m² và thửa 29, diện tích 70,4m² các thửa đều thuộc tờ bản đồ số 90 phường B (tài liệu 2005). Ngày 20/3/2003, bà T chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Bé T1 diện tích 30m², còn lại 110,8m² bà T tiếp tục sử dụng. Cũng năm 2003, bà T làm nhà (cột sắt, mái tôn, vách tôn). Năm 2007, UBND phường B lập biên bản về hành vi vi phạm do bà T san lấp trái phép mặt bằng với diện tích 110,8m², nhưng Chủ tịch UBND phường không ra quyết định xử phạt, không buộc khắc phục hậu quả mà cho bà giữ nguyên hiện trạng đã san lấp.

Năm 2008, UBND quận B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) số AL157504 cho bà thửa số 501, tờ bản đồ 90, diện tích 110,8m². Năm 2018, UBND quận B phê duyệt phương án đầu tư xây dựng trường tiểu học Huỳnh Thúc Kháng phường B thì toàn bộ 110,8m² đất của bà thuộc diện giải tỏa, thu hồi. Năm 2019, bà sửa lại nhà như hiện nay (cột sắt, mái tôn, vách tôn).

Ngày 13/9/2022, UBND quận B ban hành Quyết định 4205/QĐ-UBND (Quyết định 4205/QĐ-UBND) phê duyệt Phương án số 1346/PABT-HĐBT ngày 12/9/2022 (Phương án số 1346/PABT-HĐBT) của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi thửa đất 501, tờ bản đồ 90 diện tích 110,8m² của bà T, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 536.806.282 đồng (trong đó: Bồi thường 110,8m² theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm là 522.865.200 đồng; bồi thường 01 đồng hồ nước là 3.941.082 đồng; hỗ trợ chuyển chỗ ở hoặc tháo dỡ nhà là 10.000.000 đồng) và không bồi thường nhà trên đất, không bố trí tái định cư.

Bà T cho rằng, Quyết định số 4205/QĐ-UBND về phê duyệt Phương án bồi thường cho bà loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, không bồi thường nhà trên

đất và không tái định cư là không đúng, vì bà làm nhà từ năm 2003, năm 2008 bà có đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất nông nghiệp thành loại đất ở và từ năm 2013 đến khi thu hồi đất, bà nộp thuế loại đất ở (không nộp thuế theo loại đất nông nghiệp). Do đó, khi thu hồi đất phải bồi thường cho bà theo giá đất ở, bồi thường nhà trên đất và tái định cư cho bà mới đúng quy định, nên bà có đơn khiếu nại Quyết định số 4205/QĐ-UBND. Ngày 14/11/2022, Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định số 5686/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu (Quyết định số 5686/QĐ-UBND), nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của bà T, giữ nguyên Quyết định số 4205/QĐ-UBND.

Do đó, bà T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4205/QĐ-UBND của UBND quận B và hủy Quyết định số 5686/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận B về giải quyết khiếu nại lần đầu.

Người bị kiện, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B trình bày:

Năm 2018, UBND quận B phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng mới công trình trường tiểu học H phường B, quận B. Năm 2022, UBND quận B ban hành Quyết định số 4193/QĐ-UBND về phê duyệt Chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng mới trường tiểu học Huỳnh Thúc Kháng phường B.

Để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất thực hiện Dự án, ngày 29/10/2021, Ban bồi thường dự án tiến hành điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì diện tích đất 110,8m² được UBND quận B cấp giấy CNQSDĐ số H00053 ngày 12/3/2008 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (không phải đất ở); trên đất có nhà ở và mái hiên làm năm 2009 (kết cấu: cột sắt, vách tôn, mái tôn, nền gạch) và 01 đồng hồ điện, 01 đồng hồ nước.

Ngày 12/9/2022, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình mới trường tiểu học Huỳnh Thúc Kháng phường B lập Phương án số 1346/PABT-HĐBT về bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Ngọc T và được UBND quận B phê duyệt tại Quyết định 4205/QĐ-UBND ngày 13/9/2022. Theo nội dung Phương án phê duyệt thì diện tích đất 110,8m² tại thửa 501, tờ bản đồ số 90 là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm thuộc khu vực 1, vị trí 2 nên đơn giá bồi thường là 4.719.000 đồng/m², thành tiền 522.865.200 đồng (110,8m² x 4.719.000 đồng), bồi thường 01 đồng hồ nước là 3.941.082 đồng, hỗ trợ tháo dỡ nhà và di chuyển chỗ ở là 10.000.000 đồng. Tổng cộng bồi thường, hỗ trợ là 536.806.282 đồng. Riêng 01 đồng hồ điện do Công ty Đ thu hồi nên không bồi thường, còn nhà tôn và mái hiên làm sau ngày 01/7/2006 nên không bồi thường, riêng đất thu hồi là loại đất nông nghiệp nên không thuộc diện tái định cư. Do nội dung Phương án bồi thường, hỗ trợ lập đúng theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố H về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố, nên Quyết định số 4205/QĐ - UBND phê duyệt Phương án 1346/PABT-HĐBT là đúng quy định.

Tuy nhiên, tại Điều 2 của Quyết định số 4205/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của UBND quận B có sai sót, do địa chỉ thực tế của thửa đất 501 tọa lạc tại số D Đường số I, phường B, quận B nhưng trong Quyết định 4205/QĐ-UBND ghi địa

chỉ thửa đất 501 tại số D Đường số I, phường B, quận B là sai địa chỉ thực tế. Ngày 12/01/2023, UBND quận B ban hành Quyết định số 163/QĐ-UBND về đính chính địa chỉ thửa đất ghi tại Điều 2 của Quyết định số 4205/QĐ-UBND.

Nay, bà T yêu cầu khởi kiện hủy 02 Quyết định nêu trên là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1226/2023/HC-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 194, Điều 204, khoản 1 Điều 206, Điều 211, khoản 1 Điều 213 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Điều 5, điểm d khoản 2 Điều 20, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 3 Điều 40 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố H; khoản 2 Điều 1 Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của UBND Thành phố H; Điều 14 chương III, các Điều từ 16 đến 30 chương IV Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khiếu nại 2011; khoản 5 Điều 5 Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ T2 hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc yêu cầu Tòa án xét xử hủy:

Quyết định số 4205/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của UBND quận B về phê duyệt Phương án số 1346/ PABT-HĐBT ngày 12/9/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Quyết định số 5686/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND quận B về giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/8/2023, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc T kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo và trình bày:

Việc UBND quận B áp giá bồi thường căn nhà không đúng, gây thiệt hại cho bà T, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại thời điểm bà T xây dựng nhà. UBND Quận B cho rằng bà T xây dựng nhà sau năm 2009, không công nhận thời điểm xây dựng căn nhà năm 2003 như trình bày của bà T là không đúng. Tuy nhiên, bà T được cấp giấy CNQSDĐ năm 2008 ghi là đất trống, không có đất trồng cây lâu năm đúng như trên giấy tờ. Thời điểm đó, việc cấp giấy là đại trà, người dân chỉ kê khai nên trong hồ sơ không thể hiện có căn nhà trên đất. Việc bà

T có xây dựng móng nhà năm 2003 đã có xác nhận của UBND phường B và thời điểm xây dựng UBND phường cũng không xử phạt hành chính.

Ngoài ra, trong giấy xác nhận bà T đã cung cấp thì UBND quận B cũng xác định là đất ở đô thị. Thời điểm bà T xây dựng nhà không xác định được thời gian cụ thể nên trong quá trình giải quyết thu hồi nhà thì cơ quan chức năng đã lấy ý kiến của khu dân cư để xác định. Tất cả ý kiến có biên bản của UBND phường năm 2020 được thực hiện trước khi giải tỏa đều xác định căn nhà này được xây dựng năm 2003. Do đó, có cơ sở xác định thời điểm xây dựng căn nhà là trước năm 2003. Thực tế, bà T đã mua giấy tay năm 2001.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Đất của bà T là đất nông nghiệp, đã được xác định theo biên bản xử phạt vi phạm hành chính. Theo hình ảnh đã chứng minh vị trí đất của bà T là khu đất trống đến năm 2009 mới xuất hiện căn nhà. Do đó, có cơ sở xác định việc cấp giấy CNQSDĐ cho bà T là phù hợp. Theo quy định pháp luật thì phải căn cứ vào hiện trạng tại thời điểm sử dụng đất. Tại biên bản xử phạt vi phạm năm 2007 thì bà T đã có hành vi san lấp mặt bằng.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T làm trong hạn luật định, đúng hình thức.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự trình bày, có đủ cơ sở xác định thửa đất 501, diện tích 110,8m² là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (không phải loại đất ở) và nhà tôn làm sau khi cấp giấy CNQSDĐ năm 2008. Do khi làm nhà không có hồ sơ bản vẽ, không xin giấy phép xây dựng và tại thời điểm làm nhà không lập biên bản và bà T cũng không thông báo việc làm nhà cho cơ quan Nhà nước. Vì vậy, không xác định chính xác bà T làm vào ngày, tháng nào sau khi cấp giấy CNQSDĐ. Do đó, Phương án 1346/PABT-HĐBT ngày 12/9/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư UBND quận B được Quyết định 4205/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 phê duyệt khi thu hồi 110,8m², việc bồi thường tính theo giá đất nông nghiệp là đúng khoản 2 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của UBND Thành phố H; đồng thời không bồi thường nhà và không tái định cư là đúng quy định điểm d khoản 2 Điều 20, khoản 1 Điều 36 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 nêu trên.

Theo Tờ khai thuế sử dụng đất đề ngày 15/12/2012 của bà T và phân xác nhận của UBND phường B 110,8m² sử dụng không đúng mục đích (sử dụng vào đất ở đô thị), căn cứ vào khoản 5 Điều 5 Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ T2 thì việc thu thuế từ các năm 2013, đất bà T trên giấy tờ là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, nhưng bà sử dụng vào mục đích đất ở vì có công trình nhà ở trên đất nên cơ quan thuế thu thuế theo loại đất ở là đúng quy

định.

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Bà Nguyễn Thị Ngọc T kháng cáo nhưng không có căn cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Bà Nguyễn Thị Ngọc T kháng cáo theo đúng quy định nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyết định bị khiếu kiện là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là đúng quy định; Đồng thời, khi giải quyết vụ án đã xem xét các quyết định hành chính có liên quan đến yêu cầu khởi kiện là đúng quy định tại Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung:

[3] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Tòa án cấp sơ thẩm xác định các Quyết định số 4205/QĐ - UBND ngày 13/9/2022 của UBND quận B về phê duyệt Phương án số 1346/ PABT - HĐBT ngày 12/9/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Quyết định số 5686/QĐ - UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND quận B về giải quyết khiếu nại lần đầu ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền là đúng pháp luật.

[4] Hồ sơ vụ án thể hiện:

[4.1] Ngày 15/02/2003, bà T nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn L diện tích 140,8m² thuộc một phần thửa đất 347, tờ bản đồ số 07 (tài liệu 02/CT – UB). Sau khi chuyển nhượng ông Nguyễn Văn Bé T1 diện tích 30m² vào ngày 20/3/2003 thì bà T còn sử dụng 110,8m² và ngày 12/3/2008, bà T được UBND quận B cấp giấy CNQSDĐ số AL157504 đối với diện tích 110,8m², loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 501, tờ bản đồ 90, tại phường B. Năm 2008, bà T nộp hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở. Ngày 08/9/2008, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B có văn bản số 515/TNMT, có nội dung: *“Chưa giải quyết hồ sơ xin chuyển sang mục đích đất ở của bà T, với lý do vị trí đất này một phần quy hoạch công trình công cộng, phần còn lại quy hoạch tuyến đường dự phóng (3.2) khu dân cư phía Bắc đường T - T”*. Như vậy, diện tích 110,8m² của bà T vẫn là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm.

[4.2] Theo Biên bản khảo sát, đo đạc, kiểm tra ngày 29/10/2021 của Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng quận B thì trên đất có nhà làm bằng vách tôn, mái tôn, nền gạch Ceramic. Tại tờ khai nguồn gốc sử dụng nhà, đất do bà Lâm Thị B (là đại diện bà T) lập ngày 29/10/2020, có nội dung: Đất sử dụng năm 2001, nhà làm năm 2003 nhưng UBND phường B xác nhận: Nhà làm năm 2009. Tại

Bản ảnh không gian tích hợp vào các năm 2005, 2009 đến 2012 thể hiện từ năm 2009 thửa đất 501 mới xuất hiện hình ảnh có công trình trên đất. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Do khi bà T làm nhà không có hồ sơ bản vẽ, không xin giấy phép xây dựng, không lập biên bản và tại thời điểm làm nhà bà T cũng không thông báo cho cơ quan Nhà nước nên không xác định chính xác thời gian bà T làm sau khi cấp giấy CNQSDĐ là có căn cứ.

[4.3] Từ những nội dung nêu trên, có căn cứ xác định việc UBND quận B bồi thường 110,8m² theo giá đất nông nghiệp, không bồi thường nhà và không tái định cư cho bà T là đúng Phương án 1346/PABT - HĐBT ngày 12/9/2022 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 07/2020/QĐ - UBND ngày 18/3/2020 của UBND Thành phố H.

[5] Việc bà T có nộp thuế loại thuế đất phi nông nghiệp đối với diện tích 110,8m² cũng không phải là căn cứ xác định diện tích đất này là đất ở.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Điều 5, điểm d khoản 2 Điều 20, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 3 Điều 40 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H; Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H; Điều 14 chương III, các Điều từ 16 đến 30 chương IV Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khiếu nại 2011; Khoản 5 Điều 5 Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ T2 hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị Ngọc T
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1226/2023/HC-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc:
 - 3.1. Yêu cầu hủy Quyết định số 4205/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của Ủy ban nhân dân quận B về phê duyệt Phương án số 1346/ PABT-HĐBT ngày 12/9/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;
 - 3.2. Yêu cầu hủy Quyết định số 5686/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về giải quyết khiếu nại lần đầu.

4. Án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số AA/2021/0004203 ngày 17/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà T đã nộp đủ.

4.2. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001901 ngày 14/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà T đã nộp đủ.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP (5), HS (2) (LTTH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Đức Phương